

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh
trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Khóa 14 hệ văn bằng đại học thứ
hai chính quy mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10/11/1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-BTP ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 2 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Khóa 14 (2015 – 2018) hệ văn bằng đại học thứ hai chính quy mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội đối với 421 thí sinh (có danh sách kèm theo), trong đó:

- 416 thí sinh đạt tổng điểm hai môn thi tuyển từ 8,50 điểm trở lên (không có môn nào bị điểm 0);

- 05 thí sinh được tuyển thẳng vì đã có bằng tiến sĩ.

Điều 2. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các PHT (để biết);
- Lưu: VT, ĐT.


Phan Chí Hiếu

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	V14.00002	Chữ Tuấn Anh	01/07/91		TSTD	7.00	3.50	10.50	10.50	
2	V14.00006	Đỗ Tuyết Anh	29/07/90	Nữ	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	7.00	3.50	10.50	10.50	
3	V14.00007	Giáp Tuấn Anh	19/10/85		Viện Kiểm sát quân sự Khu vực 11	8.00	4.00	12.00	12.00	
4	V14.00009	Hà Thị Lan Anh	12/06/91	Nữ	TSTD	7.00	7.00	14.00	14.00	
5	V14.00015	Lê Hoàng Anh	10/06/91		TSTD	8.00	3.50	11.50	11.50	
6	V14.00016	Lê Tuấn Anh	20/10/92		TSTD	7.00	6.00	13.00	13.00	
7	V14.00023	Nguyễn Tuấn Anh	01/02/86		Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh	8.00	4.00	12.00	12.00	
8	V14.00026	Nguyễn Tuấn Anh	16/07/89		CT TNHH Đầu tư và TM Hoàng Trung Anh	7.50	6.00	13.50	13.50	
9	V14.00028	Nguyễn Quốc Anh	24/09/92		TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
10	V14.00029	Nguyễn Hải Anh	25/04/92	Nữ	TSTD	5.50	5.50	11.00	11.00	
11	V14.00030	Nguyễn Đức Anh	26/04/88		Công ty cổ phần xây dựng Vinaconex	6.50	3.50	10.00	10.00	
12	V14.00034	Hoàng Thị Hoài An	01/10/79	Nữ	TSTD	3.50	5.50	9.00	9.00	
13	V14.00038	Phạm Quỳnh Anh	16/02/92	Nữ	CTCP dịch vụ bảo vệ Đại Hoàng Gia	5.50	3.50	9.00	9.00	
14	V14.00039	Phạm Hoài Anh	17/12/74		Tổng công ty hàng không Việt Nam	7.00	2.50	9.50	9.50	
15	V14.00040	Phùng Đức Hiếu Anh	03/07/90		Báo dân tộc và phát triển	3.00	6.50	9.50	9.50	
16	V14.00045	Trần Quyên Anh	04/10/88		TSTD	6.50	7.00	13.50	13.50	
17	V14.00057	Lê Ngọc ánh	16/05/90	Nữ	Học viện chính trị công an nhân dân	7.00	3.50	10.50	10.50	
18	V14.00058	Ngô Thị Ngọc ánh	02/09/89	Nữ	Ngân hàng Nam á - HN	7.50	6.50	14.00	14.00	
19	V14.00059	Nguyễn Thị Ngọc ánh	20/02/88	Nữ	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Từ Liêm	5.50	3.50	9.00	9.00	
20	V14.00065	Nguyễn Ngọc Báo	31/07/88		Công ty TNHH xử lý môi trường Sao Sáng Bắc Ninh	8.00	7.00	15.00	15.00	
21	V14.00067	Nguyễn Cao Bắc	03/03/82		TSTD	5.50	6.00	11.50	11.50	
22	V14.00072	Dương Thị Thanh Bình	07/11/84	Nữ	UBND Thành phố Việt Trì	7.00	5.50	12.50	12.50	
23	V14.00073	Dương Ngọc Bình	09/11/86		Tạp chí Kiểm sát	5.00	6.50	11.50	11.50	
24	V14.00086	Đặng Diệu Chi	19/09/91	Nữ	TSTD	2.50	6.00	8.50	8.50	
25	V14.00087	Đinh Linh Chi	14/09/77	Nữ	NH TNHH MTV Standard Chartered VN	4.00	5.50	9.50	9.50	
26	V14.00090	Đinh Văn Chiến	15/08/90		TSTD	7.50	4.00	11.50	11.50	
27	V14.00092	Nguyễn Ngọc Chiến	22/04/84		Cục sở hữu trí tuệ	4.50	7.00	11.50	11.50	
28	V14.00097	Nguyễn Cao Chí	14/06/90		TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00	

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-DHLHN ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
29	V14.00099	Nông Đức	10/03/92		TSID	4.00	4.50	8.50	8.50	
30	V14.00103	An Thị Hồng	01/01/88	Nữ	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.50	7.00	12.50	12.50	
31	V14.00106	Nguyễn Văn	17/06/87		CT cổ phần Comar Việt Nam	4.50	6.50	11.00	11.00	
32	V14.00107	Lê Việt	23/10/91		TSDT	3.50	7.00	10.50	10.50	
33	V14.00109	Nguyễn Văn	14/09/90		Đài truyền hình VN	4.00	6.00	10.00	10.00	
34	V14.00111	Vũ Thành	02/09/87		Ban BTGP Mặt bằng quận Đống Đa	7.00	6.00	13.00	13.00	
35	V14.00113	Nguyễn Thị	20/07/91	Nữ	TAND tỉnh Bắc Ninh	4.00	6.50	10.50	10.50	
36	V14.00115	Nguyễn Đại	27/01/90		TSID	6.00	5.00	11.00	11.00	
37	V14.00119	Đình Doãn	16/10/89		TSID	7.50	6.00	13.50	13.50	
38	V14.00120	Đình Việt	18/07/90		TSID	4.50	8.50	13.00	13.00	
39	V14.00123	Lê Văn	03/02/90		Công ty TNHH ZETC VN	4.00	6.00	10.00	10.00	
40	V14.00128	Nguyễn Việt	14/11/85		Thanh tra tỉnh Bắc Ninh	6.50	5.00	11.50	11.50	
41	V14.00129	Nguyễn Mạnh	12/08/87		TSID	5.50	4.00	9.50	9.50	
42	V14.00135	Trần Ngọc	02/01/90		CT TNHH công nghệ năng lượng & tự động hóa	5.00	4.00	9.00	9.00	
43	V14.00138	Lê Hoàng	24/03/86	Nữ	Ban TCLĐ và tiền lương Agribank	4.00	6.00	10.00	10.00	
44	V14.00139	Phạm Hồng	13/03/73	Nữ	Phòng Y tế quận Thanh Xuân - HN	4.50	4.00	8.50	8.50	
45	V14.00140	Phạm Xuân	01/06/88		Báo pháp luật Việt Nam	7.00	6.00	13.00	13.00	
46	V14.00146	Nguyễn Thị Lê	13/05/88	Nữ	TSID	5.00	5.50	10.50	10.50	
47	V14.00148	Nguyễn Thủy	21/10/91	Nữ	CTCP Giáo dục Việt Nam	3.50	5.00	8.50	8.50	
48	V14.00151	Phùng Thị Kim	02/05/90	Nữ	Sở lao động TBXH Hà nội	3.50	5.00	8.50	8.50	
49	V14.00153	Vũ Ngọc	01/08/85		TSID	3.50	5.00	8.50	8.50	
50	V14.00154	Phí Lê	11/01/83	Nữ	TAND huyện Hạ Hòa - Phú Thọ	4.50	6.50	11.00	11.00	
51	V14.00159	Phạm	11/11/92		Công ty cổ phần TSC Hà Nội	5.50	6.00	11.50	11.50	
52	V14.00162	Trần Ba	01/04/91		TSID	5.50	3.00	8.50	8.50	
53	V14.00163	Trịnh Quang	12/11/92		Công ty TNHH Tin học Minh Hà	4.00	5.00	9.00	9.00	
54	V14.00165	Lô Trung	19/10/88		TSID	3.50	6.00	9.50	9.50	
55	V14.00171	Nguyễn Văn	20/06/90		Công ty TNHH 1 thành viên SHTT VCCI	5.00	4.00	9.00	9.00	
56	V14.00179	Bùi Thị Thùy	15/07/91	Nữ	TSID	6.50	4.00	10.50	10.50	



(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLH ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTCĐ	ĐTC	Ghi chú
57	V14.00180	Đỗ Thùy Dương	23/08/85	Nữ	Sở nội vụ tỉnh Hưng Yên	3.75	5.50	9.25	9.50	
58	V14.00182	Lê Thành Dương	08/04/88		Bệnh viện tai mũi họng TW	3.50	5.00	8.50	8.50	
59	V14.00184	Lô Văn Dương	22/09/86		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	6.00	4.00	10.00	10.00	
60	V14.00185	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	10/01/90	Nữ	Bộ Tư pháp	4.50	7.00	11.50	11.50	
61	V14.00192	Nguyễn Minh Đạo	30/05/77		Vụ KH - TC, Viện kiểm sát nhân dân tối cao	4.50	6.00	10.50	10.50	
62	V14.00199	Luyện Quang Điện	04/08/89		Hải Đoàn 129	5.50	5.00	10.50	10.50	
63	V14.00201	Bùi Văn Định	23/04/90		CTINH Kiểm toán và tư vấn A&C	4.50	5.00	9.50	9.50	
64	V14.00203	Dương Văn Định	28/02/92		TSTD	4.50	5.00	9.50	9.50	
65	V14.00206	Trần Khắc Đoàn	30/09/85		TSTD	6.00	6.00	12.00	12.00	
66	V14.00212	Phạm Thị Đua	11/06/89	Nữ	TSTD	5.50	3.50	9.00	9.00	
67	V14.00214	Lương Hải Đường	30/05/91		TSTD	4.00	6.00	10.00	10.00	
68	V14.00219	Nguyễn Minh Đức	19/04/86		VKS Quân sự Quân khu I	6.00	5.00	11.00	11.00	
69	V14.00222	Nguyễn Tài Đức	27/04/92		TSTD	4.00	6.00	10.00	10.00	
70	V14.00236	Vương Minh Đức	14/11/85		TSTD	5.00	3.50	8.50	8.50	
71	V14.00237	Đào Anh Giang	21/04/87		TSTD	7.00	3.00	10.00	10.00	
72	V14.00243	Nghiêm Thị Minh Giang	07/05/89	Nữ	Khoa Luật-ĐH Quốc gia HN	3.50	5.00	8.50	8.50	
73	V14.00245	Nguyễn Hương Giang	07/11/90	Nữ	TSTD	7.00	4.00	11.00	11.00	
74	V14.00253	Phạm Văn Giáp	01/09/81		Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	3.00	7.00	10.00	10.00	
75	V14.00262	Lê Thị Văn Hà	21/09/85	Nữ	Ngân hàng Agribank	5.00	5.50	10.50	10.50	
76	V14.00265	Lê Thu Hà	24/11/81	Nữ	Ngân hàng TMCP đại chúng VN	4.50	4.00	8.50	8.50	
77	V14.00266	Nguyễn Thị Thái Hà	11/07/91	Nữ	Thành đoàn Hà Nội	7.00	4.00	11.00	11.00	
78	V14.00267	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08/08/91	Nữ	TSTD	3.50	6.00	9.50	9.50	
79	V14.00271	Nguyễn Thu Hà	20/09/91	Nữ	CT sách giáo dục HN	5.00	6.00	11.00	11.00	
80	V14.00275	Phan Việt Hà	28/08/92		TSTD	8.00	3.00	11.00	11.00	
81	V14.00279	Trần Thu Hà	23/09/88	Nữ	CTTNHH Deloitte Việt Nam	7.00	4.50	11.50	11.50	
82	V14.00280	Triệu Thị Hà	01/03/90	Nữ	TSTD	4.00	5.50	9.50	9.50	
83	V14.00281	Trịnh Thu Hà	28/12/91	Nữ	TSTD	8.00	5.50	13.50	13.50	
84	V14.00285	Vũ Thanh Hà	24/05/85	Nữ	Ngân hàng TMCP Phương Nam	5.00	4.00	9.00	9.00	



(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
85	V14.00286	Doãn Thị Hải	20/05/90	Nữ	Cục thi hành án DS tỉnh Hưng Yên	4.50	4.00	8.50	8.50	
86	V14.00289	Đổng Thị Ngọc Hải	01/08/92	Nữ	TSID	4.50	8.00	12.50	12.50	
87	V14.00294	Nguyễn Thị Hải	06/12/86	Nữ	CTCP Tư vấn và thiết kế kiến trúc VN	5.00	5.00	10.00	10.00	
88	V14.00298	Nguyễn Gia Hải	29/8/91		TSID	7.00	5.00	12.00	12.00	
89	V14.00302	Ngô Thúy Hào	22/07/79	Nữ	Ngân hàng Standard Chartered	7.00	5.00	12.00	12.00	
90	V14.00303	Nguyễn Minh Hào	23/08/92	Nữ	TSID	6.50	2.50	9.00	9.00	
91	V14.00304	Hoàng Thu Hạnh	14/02/85	Nữ	Tổng công ty điện lực dầu khí VN	7.00	5.50	12.50	12.50	
92	V14.00311	Phạm Thị Hạnh	18/10/89	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại dương	4.00	5.50	9.50	9.50	
93	V14.00313	Tô Bích Hạnh	06/02/83	Nữ	TSID	2.50	6.00	8.50	8.50	
94	V14.00314	Tô Mỹ Hạnh	29/09/91	Nữ	UBND xã Tam Hiệp - Thanh trì - HN	3.50	5.50	9.00	9.00	
95	V14.00315	Nguyễn Thị Ngọc Hàn	25/11/88	Nữ	Ngân hàng Ocean Bank	6.50	5.50	12.00	12.00	
96	V14.00316	Hàn Hữu Hậu	10/07/87		Ngân hàng NN và PT Nông thôn VN	7.00	5.50	12.50	12.50	
97	V14.00320	Bùi Thanh Hằng	29/06/92	Nữ	TSID	5.00	6.00	11.00	11.00	
98	V14.00327	Nguyễn Thu Hằng	01/08/86	Nữ	TSID	4.50	5.50	10.00	10.00	
99	V14.00328	Nguyễn Thị Hằng	14/12/87	Nữ	TSID	6.50	7.00	13.50	13.50	
100	V14.00329	Nguyễn Thanh Hằng	17/03/88	Nữ	Ngân hàng TMCP BIDV	6.00	4.00	10.00	10.00	
101	V14.00330	Nguyễn Thanh Hằng	27/11/80	Nữ	Cục Sở hữu trí tuệ	3.00	6.50	9.50	9.50	
102	V14.00332	Trần Thị Minh Hằng	22/08/86	Nữ	TSID	5.50	3.00	8.50	8.50	
103	V14.00333	Vũ Thu Hằng	03/7/92	Nữ	TSID	3.50	5.50	9.00	9.00	
104	V14.00334	Dương Trọng Hiếu	08/08/88		Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh	7.00	5.50	12.50	12.50	
105	V14.00335	Đào Trung Hiếu	29/05/89		TSID	6.50	3.00	9.50	9.50	
106	V14.00340	Nguyễn Trung Hiếu	10/02/84		TSID	7.00	4.00	11.00	11.00	
107	V14.00341	Nguyễn Trung Hiếu	12/12/92		TSID	6.50	4.50	11.00	11.00	
108	V14.00342	Nguyễn Vinh Hiếu	20/03/89		Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ	7.50	3.00	10.50	10.50	
109	V14.00343	Trần Trung Hiếu	01/12/91		Cục quản lý thị trường, Bộ Công thương	8.00	6.00	14.00	14.00	
110	V14.00350	Nguyễn Đức Hiệp	25/10/88		Công ty viễn thông GTTEL	7.50	4.00	11.50	11.50	
111	V14.00351	Phạm Đức Hiệp	07/09/86		Sư đoàn 395 quân 3	7.50	5.00	12.50	12.50	
112	V14.00352	Dương Xuân Hiến	08/08/91		TSID	6.50	4.00	10.50	10.50	

(Kèm theo quyết định số: 1689/QĐ-ĐHLN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

(Kèm theo quyết định số: 705/T-QĐ-DHLH ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Viện trưởng Viện Khoa học Luật Việt Nam)											
STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
113	V14.00356	Nguyễn Thị Thu	Hiển	12/09/91	Nữ	CTCP trắc địa bản đồ Đại Thành	7.25	3.50	10.75	11.00	
114	V14.00359	Nguyễn Thị	Hiển	30/07/92	Nữ	CY Cardalab - Black hank Việt Nam	7.50	5.50	13.00	13.00	
115	V14.00362	Đàm Thị	Hoa	27/02/91	Nữ	UBND phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, HN	3.50	5.00	8.50	8.50	
116	V14.00368	Nguyễn Thị	Hoa	20/02/92	Nữ	TSTD	6.00	3.00	9.00	9.00	
117	V14.00371	Phạm Mai	Hoa	25/07/86	Nữ	TSTD	4.50	4.50	9.00	9.00	
118	V14.00374	Vũ Thị	Hoa	22/10/83	Nữ	Trường chính trị tỉnh Thái Bình	7.50	6.00	13.50	13.50	
119	V14.00377	Lại Quốc	Hoàng	03/03/87		TSTD	2.50	6.50	9.00	9.00	
120	V14.00388	Lý Đức	Hoành	10/08/84		TSTD	6.50	3.00	9.50	9.50	
121	V14.00391	Bùi Phùng Khánh	Hòa	07/10/90	Nữ	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội	8.50	4.50	13.00	13.00	
122	V14.00392	Bùi Thanh	Hòa	15/10/87	Nữ	Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình	6.50	5.00	11.50	11.50	
123	V14.00396	Nguyễn Công	Hòa	12/03/91		TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00	
124	V14.00402	Bùi Văn	Học	23/02/84		Ngân hàng quân đội	4.50	6.00	10.50	10.50	
125	V14.00403	Lê Thị Kim	Hồng	09/07/90	Nữ	TSTD	7.50	4.50	12.00	12.00	
126	V14.00404	Lê Thu	Hồng	22/07/90	Nữ	TSTD	5.00	5.00	10.00	10.00	
127	V14.00409	Vũ Bảo	Hồng	01/11/91	Nữ	TT nghiên cứu chính sách phòng chống chấn thương	5.50	4.00	9.50	9.50	
128	V14.00413	Đào Thị	Huệ	04/11/90	Nữ	Trường ĐH Luật Hà Nội	3.50	7.50	11.00	11.00	
129	V14.00417	Trịnh Thị	Huệ	18/10/91	Nữ	Công ty TNHH tư vấn Gia pháp HN	3.50	5.50	9.00	9.00	
130	V14.00421	Lê Khánh	Huy	19/02/92		TSTD	7.50	3.00	10.50	10.50	
131	V14.00422	Lưu Quang	Huy	02/07/89		Bộ Tư lệnh CSB3	6.00	6.00	12.00	12.00	
132	V14.00423	Nguyễn Quang	Huy	30/12/87		UBND Phường Mỹ Đình 1	3.00	7.00	10.00	10.00	
133	V14.00424	Nguyễn Thành	Huy	05/06/87		Ngân hàng TMCP ngoại thương VN	6.00	4.00	10.00	10.00	
134	V14.00427	Đỗ Thị Bích	Huyền	17/10/86	Nữ	Ủy ban nhân dân Tam Hiệp- Thanh Trì	8.00	2.50	10.50	10.50	
135	V14.00431	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/05/89	Nữ	TSTD	2.50	6.00	8.50	8.50	
136	V14.00441	Vũ Thị	Huyền	19/03/88	Nữ	CTCP may và thương mại Kim Sơn	3.50	6.50	10.00	10.00	
137	V14.00442	Phạm Quốc	Huy	06/01/92		TSTD	7.50	5.00	12.50	12.50	
138	V14.00449	Hà Quang	Hùng	25/01/87		Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Tuyên Quang	4.00	5.00	9.00	9.00	
139	V14.00451	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/08/88		TSTD	6.50	4.50	11.00	11.00	
140	V14.00454	Nguyễn Thế	Hùng	23/03/88		TSTD	5.00	5.50	10.50	10.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 6

(Kèm theo quyết định số: 1654 /QĐ-DHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
141	V14.00456	Phạm Quang	Hùng	15/10/85	Quân chủng Hải quân	7.50	5.00	12.50	12.50	
142	V14.00458	Quách Minh	Hùng	04/02/87	Ban quản lý dự án quận Đống Đa	4.00	6.00	10.00	10.00	
143	V14.00460	Triệu Mạnh	Hùng	11/11/82	VKS Quân sự Quân khu I	7.00	7.00	14.00	14.00	
144	V14.00466	Lê Trung	Hùng	26/11/91	CTCP đầu tư và xây dựng Hoa Việt	7.00	4.00	11.00	11.00	
145	V14.00467	Nguyễn Duy	Hùng	09/11/84	Bộ Công an	5.00	5.50	10.50	10.50	
146	V14.00471	Vũ Duy	Hùng	07/12/89	UBND phường Cầu Diễn	4.00	6.00	10.00	10.00	
147	V14.00473	Đào Thu	Hương	23/10/91	Nữ CT TNHH Dịch vụ du lịch TSC	1.50	7.00	8.50	8.50	
148	V14.00478	Lưu Thị Thanh	Hương	29/04/86	Nữ TSTD	7.00	3.00	10.00	10.00	
149	V14.00480	Nguyễn Thị Thanh	Hương	11/12/90	Nữ Chi cục quản lý thị trường HN	4.00	5.50	9.50	9.50	
150	V14.00481	Nguyễn Thị Thu	Hương	24/08/89	Nữ CT TNHH Bảo Hưng	4.00	4.50	8.50	8.50	
151	V14.00482	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/12/86	Nữ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn	3.50	5.00	8.50	8.50	
152	V14.00486	Nguyễn Lan	Hương	14/05/93	Nữ TSTD	5.00	5.50	10.50	10.50	
153	V14.00489	Nguyễn Thu	Hương	22/06/85	Nữ Công ty phát triển nguồn nhân lực DELOITTE	3.50	5.00	8.50	8.50	
154	V14.00490	Phạm Thị Thanh	Hương	20/09/87	Nữ Ngân hàng Nông nghiệp và PT chi nhánh Trung Yên	2.50	6.50	9.00	9.00	
155	V14.00492	Chu Thị Thu	Hương	02/07/90	Nữ Ngân hàng VPBank	3.50	5.00	8.50	8.50	
156	V14.00496	Nguyễn Thị	Hương	09/11/90	Nữ TSTD	7.00	4.00	11.00	11.00	
157	V14.00498	Trịnh Thị Bích	Hương	19/10/88	Nữ CT công nghệ Sao Bắc Đẩu	4.00	5.50	9.50	9.50	
158	V14.00499	Vũ Quang	Hương	04/11/91	TSTD	5.00	6.50	11.50	11.50	
159	V14.00503	Trần Vĩnh	Khang	24/12/88	Ngân hàng TMCP Quân đội	7.00	5.50	12.50	12.50	
160	V14.00504	Đào Thị Vân	Khánh	01/12/81	Nữ Công ty TNHH An Quý Hưng	6.50	6.00	12.50	12.50	
161	V14.00505	Nguyễn Tài	Khánh	06/08/85	TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00	
162	V14.00510	Nguyễn Trọng	Khải	12/02/89	TSTD	6.50	5.00	11.50	11.50	
163	V14.00511	Phạm Văn	Khải	18/11/87	TSTD	6.00	6.00	12.00	12.00	
164	V14.00513	Phạm Văn	Khiêm	10/11/85	TSTD	5.00	3.50	8.50	8.50	
165	V14.00515	Nguyễn Đăng	Khoa	23/03/87	CTTNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Song Phát	8.00	3.00	11.00	11.00	
166	V14.00518	Trương Đình	Khuê	25/06/92	Học viện chính trị công an nhân dân	3.50	5.00	8.50	8.50	
167	V14.00519	Trần Văn	Khuông	24/06/90	Lữ Đoàn 147	6.00	5.00	11.00	11.00	
168	V14.00522	Nguyễn Thanh	Kiên	03/02/88	Văn phòng công chứng Hậu Lộc	4.50	5.50	10.00	10.00	

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTCĐ	ĐTC	Ghi chú
169	V14.00523	Nguyễn Trí	Kiên		11/09/80	TSID	4.00	5.00	9.00	9.00
170	V14.00529	Lê Văn	Kỳ		14/05/87	Tổng công ty bảo việt nhân thọ	4.00	4.50	8.50	8.50
171	V14.00542	Phạm Thị Tuyết	Lan		02/03/87	Nữ ĐH Chu Văn An - Hưng Yên	4.50	4.00	8.50	8.50
172	V14.00543	Phạm Thị Hương	Lan		15/07/80	Nữ Kiểm toán nhà nước - Cầu Giấy	4.00	5.50	9.50	9.50
173	V14.00547	Mai Thành	Lâm		21/10/83	Tập đoàn thanh khoáng sản VN	6.50	2.00	8.50	8.50
174	V14.00548	Nguyễn Hồ Mạnh	Lâm		22/10/86	TSID	6.50	5.50	12.00	12.00
175	V14.00553	Nguyễn Thị	Lê		15/07/92	Nữ Ngân hàng TMCP VP bank	5.00	7.00	12.00	12.00
176	V14.00556	Lê Thị Kim	Liên		24/07/90	Nữ TSID	7.00	4.50	11.50	11.50
177	V14.00558	Trần Hồng	Liên		19/10/92	Nữ TSID	5.50	6.00	11.50	11.50
178	V14.00559	Bùi Thị Nhật	Linh		29/06/88	Nữ Chi cục thuế Quận Ba Đình	6.00	3.00	9.00	9.00
179	V14.00565	Hoàng Thùy	Linh		19/12/83	Nữ TSID	7.00	6.50	13.50	13.50
180	V14.00569	Nguyễn Thị Phương	Linh		29/06/92	Nữ Công ty bảo hiểm Great Eastern	7.00	4.00	11.00	11.00
181	V14.00572	Nguyễn Thị Thảo	Linh		31/01/93	Nữ TSID	3.00	5.50	8.50	8.50
182	V14.00575	Nguyễn Ngọc	Linh		04/07/81	Nữ Viện kiểm sát nhân dân tối cao	7.00	4.00	11.00	11.00
183	V14.00577	Nguyễn Thị	Linh		15/09/84	Nữ CTCP Chứng khoán Đức Dương	6.00	7.00	13.00	13.00
184	V14.00579	Nguyễn Trọng	Linh		26/10/90	TSID	5.50	3.00	8.50	8.50
185	V14.00580	Nguyễn Hùng	Linh		29/01/89	TSID	3.00	7.00	10.00	10.00
186	V14.00585	Trần Tuyết	Linh		10/06/89	Nữ TSID	4.50	4.50	9.00	9.00
187	V14.00591	Vương Khánh	Linh		12/01/94	Nữ TSID	3.00	6.00	9.00	9.00
188	V14.00594	Lưu Thanh	Loan		14/09/90	Nữ TSID	5.50	3.00	8.50	8.50
189	V14.00596	Nguyễn Thị Mỹ	Loan		04/05/85	Nữ TSID	8.00	4.00	12.00	12.00
190	V14.00599	Trần Mai	Loan		07/03/83	Nữ Công ty TNHH ASIA	7.00	2.00	9.00	9.00
191	V14.00602	Cao Hoàng	Long		30/04/91	UBND phường Cầu Diễn	3.50	5.50	9.00	9.00
192	V14.00604	Hoàng Phước	Long		25/04/92	TSID	6.50	5.50	12.00	12.00
193	V14.00612	Trần Trung	Long		08/06/88	TSID	7.00	5.50	12.50	12.50
194	V14.00618	Đặng Văn	Lợi		09/09/91	TSID	6.00	6.00	12.00	12.00
195	V14.00621	Đỗ Văn	Luân		09/10/88	TSID	7.50	4.00	11.50	11.50
196	V14.00623	Nguyễn Thị	Luyến		02/09/85	Nữ TSID	6.50	4.50	11.00	11.00

(Kèm theo quyết định số: 1654 /QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
197	V14.00631	Đổng Thị Ngọc Mai	02/09/89	Nữ	UBND phường Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	6.00	4.00	10.00	10.00	
198	V14.00632	Lê Thị Mai	05/08/83	Nữ	NH TMCP VN Thịnh vượng	7.50	5.00	12.50	12.50	
199	V14.00633	Lương Quỳnh Mai	02/08/92	Nữ	TSTD	8.50	3.50	12.00	12.00	
200	V14.00635	Nguyễn Thị Thanh Mai	16/08/86	Nữ	Đại học Điện lực	7.00	4.50	11.50	11.50	
201	V14.00636	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	02/11/89	Nữ	TSTD	3.50	5.50	9.00	9.00	
202	V14.00638	Nguyễn Phương Mai	30/07/92	Nữ	TSTD	8.00	3.50	11.50	11.50	
203	V14.00639	Phạm Thị Ngọc Mai	28/12/91	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	8.00	3.00	11.00	11.00	
204	V14.00640	Trần Tố Mai	13/09/85	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Chúng	7.25	4.50	11.75	12.00	
205	V14.00641	Vũ Thị Ngọc Mai	13/11/88	Nữ	TSTD	5.00	5.50	10.50	10.50	
206	V14.00642	Lê Vương Mão	03/02/87		UBND xã Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	5.00	5.00	10.00	10.00	
207	V14.00646	Phí Văn Mạnh	17/07/79		VKSND Tối cao	5.50	3.00	8.50	8.50	
208	V14.00647	Nguyễn Thị Mi Mi	11/11/90	Nữ	Ngân hàng TMCP Bắc á	5.50	4.00	9.50	9.50	
209	V14.00650	Lê Duy Minh	04/05/89		Chi Cục thuế TP Cẩm Phả	7.50	5.50	13.00	13.00	
210	V14.00651	Lê Bình Minh	12/03/91		TSTD	5.00	6.00	11.00	11.00	
211	V14.00656	Nguyễn Quang Minh	11/10/92		TSTD	5.50	4.50	10.00	10.00	
212	V14.00661	Nguyễn Đức Minh	31/12/91		TSTD	4.00	6.00	10.00	10.00	
213	V14.00663	Vũ Ngọc Minh	03/11/85		CTCP xây dựng thương mại tổng hợp Hồng Hà	5.00	5.00	10.00	10.00	
214	V14.00664	Vũ Nguyệt Minh	20/10/84	Nữ	TSTD	4.00	7.00	11.00	11.00	
215	V14.00666	Nguyễn Thùy My	20/09/91	Nữ	Ngân hàng Tiên Phong	4.50	5.50	10.00	10.00	
216	V14.00667	Bùi Hải Nam	09/12/81		CTCP Công nghệ Nam Tùng	6.50	6.00	12.50	12.50	
217	V14.00668	Đinh Khắc Nam	06/12/85		TSTD	6.00	3.50	9.50	9.50	
218	V14.00669	Đinh Văn Nam	29/08/91		TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00	
219	V14.00672	Nguyễn Đào Việt Nam	10/10/92		TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
220	V14.00678	Nguyễn Thị Hồng Nga	04/03/91	Nữ	Công ty TNHH Contemi Việt Nam	6.50	5.00	11.50	11.50	
221	V14.00683	Nguyễn Thị Thanh Nga	01/05/85	Nữ	TSTD	6.00	4.00	10.00	10.00	
222	V14.00684	Đỗ Hoàng Thủy Ngân	18/09/91	Nữ	Công ty bất động sản AIM	6.50	5.00	11.50	11.50	
223	V14.00686	Lê Kim Ngân	23/07/84	Nữ	Ngân hàng TMCP Đông Nam á	6.50	4.50	11.00	11.00	
224	V14.00689	Phùng Nguyễn Đại Ngân	17/08/92	Nữ	TSTD	6.00	3.00	9.00	9.00	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 9

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
225	V14.00695	Trần Thị Ngoan	30/11/82	Nữ	TSID	7.50	5.00	12.50	12.50	
226	V14.00696	Dương Minh Ngọc	16/07/85	Nữ	Tập đoàn điện lực Việt Nam	4.00	6.50	10.50	10.50	
227	V14.00698	Lại Thị Phương Ngọc	01/10/86	Nữ	TSID	4.50	4.50	9.00	9.00	
228	V14.00705	Nguyễn Thạc Ngọc	15/08/87		Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3.50	5.50	9.00	9.00	
229	V14.00706	Nguyễn Văn Ngọc	27/07/88		Trung đoàn 375 - Bộ Tư lệnh cảnh vệ	5.00	4.00	9.00	9.00	
230	V14.00709	Trần Thị Bảo Ngọc	29/08/88	Nữ	Ngân hàng TMCP á châu	6.00	3.50	9.50	9.50	
231	V14.00710	Trần Thị ánh Ngọc	17/02/79	Nữ	Công ty cổ phần QLTM Thăng Long	5.00	6.00	11.00	11.00	
232	V14.00711	Trịnh Đình Ngọc	18/12/89		CTCP Quốc tế CAA	3.50	5.00	8.50	8.50	
233	V14.00713	Nguyễn Thị Ngọ	29/06/90	Nữ	TSID	6.00	2.50	8.50	8.50	
234	V14.00714	Mẫu Thái Nguyên	19/06/85		CT TNHH Thương mại và dịch vụ Chung Đạt	8.00	5.00	13.00	13.00	
235	V14.00715	Nguyễn Thảo Nguyên	31/10/92	Nữ	Carvill Việt Nam	7.00	3.00	10.00	10.00	
236	V14.00716	Dương ánh Nguyệt	13/11/89	Nữ	TSID	3.50	6.50	10.00	10.00	
237	V14.00718	Nguyễn Minh Nguyệt	06/11/89	Nữ	TSID	6.50	2.00	8.50	8.50	
238	V14.00720	Trần Thị Nguyệt	30/07/90	Nữ	TSID	7.50	5.00	12.50	12.50	
239	V14.00723	Nguyễn Thị Thanh Nhân	02/02/84	Nữ	Tổ chức Luật sư Nishimura&Asahi	7.00	5.50	12.50	12.50	
240	V14.00724	Phạm Thị Nhân	10/09/90	Nữ	TSID	7.50	6.00	13.50	13.50	
241	V14.00725	Vũ Ngọc Nhạ	03/01/90		Công ty TNHH hóa chất và thiết bị Thiên Bình	3.50	5.50	9.00	9.00	
242	V14.00726	Vũ Văn Nhâm	08/03/92		TSID	6.50	2.00	8.50	8.50	
243	V14.00737	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/05/85	Nữ	Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, Phú thọ	4.50	5.50	10.00	10.00	
244	V14.00739	Nguyễn Hồng Nhung	26/10/85	Nữ	Văn phòng Bộ tư pháp	4.00	5.00	9.00	9.00	
245	V14.00743	Đỗ Thị Ninh	27/09/92	Nữ	TSID	3.50	5.00	8.50	8.50	
246	V14.00746	Nguyễn Thị Kim Oanh	29/09/89	Nữ	TSID	7.50	4.00	11.50	11.50	
247	V14.00748	Trần Văn Pháp	14/04/87		TSID	4.75	6.50	11.25	11.50	
248	V14.00749	Vũ Đình Phiến	26/09/88		TSID	6.00	3.50	9.50	9.50	
249	V14.00752	Trần Ngọc Phong	30/12/89		UBND phường Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội	6.50	4.00	10.50	10.50	
250	V14.00753	Nguyễn Bá Phúc	12/10/90		ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	4.00	5.50	9.50	9.50	
251	V14.00765	Lê Thị Mai Phương	21/06/82	Nữ	Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam	4.00	6.50	10.50	10.50	
252	V14.00766	Lý Thị Minh Phương	27/07/87	Nữ	Công ty TNHH SHG	6.00	5.50	11.50	11.50	

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
253	V14.00768	Nguyễn Văn Phương	18/06/90		VKSND huyện Sóc Sơn - HN	4.50	5.00	9.50	9.50	
254	V14.00770	Nguyễn Tuấn Phương	29/12/80		Sở tư pháp Vĩnh Phúc	6.00	4.00	10.00	10.00	
255	V14.00771	Nguyễn Thị Minh Phương	21/11/89	Nữ	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	5.50	4.50	10.00	10.00	
256	V14.00774	Phạm Thị Thu Phương	10/11/90	Nữ	CT TNHH Covilaw Việt Nam	6.00	5.00	11.00	11.00	
257	V14.00775	Trương Thị Thảo Phương	04/10/92	Nữ	TSTD	7.50	4.00	11.50	11.50	
258	V14.00776	Trương Đình Phương	11/11/88		TSTD	7.00	3.50	10.50	10.50	
259	V14.00777	Vũ Thị Thu Phương	16/02/92	Nữ	TSTD	5.50	3.00	8.50	8.50	
260	V14.00780	Trần Thị Kim Phương	13/09/84	Nữ	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	6.50	5.00	11.50	11.50	
261	V14.00782	Vũ Anh Phương	07/08/85	Nữ	Công ty TNHH Dịch vụ tiện ích đô thị	3.50	5.00	8.50	8.50	
262	V14.00785	Đinh Hồng Quang	15/06/91		Công ty TNHH Shinhan Việt Nam	7.00	4.50	11.50	11.50	
263	V14.00787	Trần Văn Quảng	23/06/90		VKSND huyện Phú Lương - Thái Nguyên	3.50	5.00	8.50	8.50	
264	V14.00790	Nguyễn Phúc Quân	24/10/89		Cục điều tra - VKSND Tối cao	7.00	5.50	12.50	12.50	
265	V14.00792	Lưu Thị Lệ Quyên	03/02/90	Nữ	CT TNHH Thịnh Phát	5.50	5.00	10.50	10.50	
266	V14.00797	Phan Đình Quyết	21/05/85		ĐH Thương mại	7.00	3.50	10.50	10.50	
267	V14.00798	Phan Thanh Quyết	21/01/85		Lữ Đoàn 147	7.00	4.00	11.00	11.00	
268	V14.00799	Hoàng Thị Quy	06/06/85	Nữ	TSTD	6.00	5.50	11.50	11.50	
269	V14.00800	Lê Ngọc Quyên	30/08/91		TSTD	5.00	3.50	8.50	8.50	
270	V14.00803	Trần Phúc Quý	15/01/89		TSTD	5.50	4.50	10.00	10.00	
271	V14.00806	Đàm Thị Quỳnh	01/09/91	Nữ	TSTD	7.50	1.50	9.00	9.00	
272	V14.00807	Đinh Thị Như Quỳnh	16/05/80	Nữ	TAND TP. Hà Nội	5.00	3.50	8.50	8.50	
273	V14.00808	Đinh Thị Quỳnh	22/09/88	Nữ	VP Công chứng Thái Hà	3.50	6.00	9.50	9.50	
274	V14.00809	Phạm Thị Quỳnh	23/09/89	Nữ	TSTD	7.00	6.00	13.00	13.00	
275	V14.00810	Quản Hương Quỳnh	29/03/92	Nữ	CTCP giao nhận LOGIX	7.00	5.50	12.50	12.50	
276	V14.00811	Tô Nguyễn Thu Quỳnh	10/04/90	Nữ	TĐ Đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội	7.00	6.00	13.00	13.00	
277	V14.00815	Nguyễn Văn Sáng	07/08/87		VKS Quân sự Quân khu I	7.50	5.50	13.00	13.00	
278	V14.00820	Đinh Trung Sơn	27/11/80		TAND Huyện Phù Ninh, Phú Thọ	8.50	6.00	14.50	14.50	
279	V14.00821	Đỗ Tấn Sơn	02/01/86		TSTD	8.00	6.00	14.00	14.00	
280	V14.00822	Hoàng Anh Sơn	17/08/92		TSTD	5.50	4.50	10.00	10.00	

(Kèm theo quyết định số: 1657/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
281	V14.00824	Lê Bùi Hoàng	Sơn	20/10/92	CTCP truyền thông Quốc gia Việt Nam	3.50	5.00	8.50	8.50	
282	V14.00825	Lê Trung	Sơn	07/07/88	Bộ tài chính	7.50	6.00	13.50	13.50	
283	V14.00826	Nguyễn Văn	Sơn	02/02/87	VKSND tỉnh Thanh Hóa	7.50	5.50	13.00	13.00	
284	V14.00834	Hoàng Trọng	Tài	17/10/86	TSTD	7.50	5.00	12.50	12.50	
285	V14.00835	Trần Anh	Tài	03/07/77	Tổng CTCP Sông Hồng	7.00	6.00	13.00	13.00	
286	V14.00838	Phạm Văn	Tâm	08/05/90	TSTD	7.00	5.50	12.50	12.50	
287	V14.00843	Nguyễn Thế	Tân	08/12/77	TSTD	6.50	5.00	11.50	11.50	
288	V14.00847	Bùi Thị	Thanh	02/12/87	Nữ Cục thi hành án DS tỉnh, Hưng Yên	6.50	4.00	10.50	10.50	
289	V14.00848	Đàm Văn	Thanh	23/01/85	TCT Đầu tư phát triển đường cao tốc VN	3.50	6.00	9.50	9.50	
290	V14.00849	Đoàn Lê	Thanh	16/09/85	Nữ Ngân hàng TMCP hàng hải VN	7.00	5.50	12.50	12.50	
291	V14.00850	Đoàn Triệu	Thanh	25/11/88	CTCP truyền thông Việt Phú	6.50	6.00	12.50	12.50	
292	V14.00854	Nguyễn Thủy	Thanh	03/12/90	Nữ UBND phường Quỳnh Lôi, Quận HBT, Hà Nội	7.00	4.50	11.50	11.50	
293	V14.00855	Nguyễn Thị	Thanh	17/09/90	Nữ UBND xã Đại Thành, Quốc Oai, HN	5.50	4.00	9.50	9.50	
294	V14.00857	Triệu Đình	Thanh	16/09/90	TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
295	V14.00860	Nguyễn Quang	Thái	17/10/83	Cảng vụ hàng không miền bắc	5.00	6.50	11.50	11.50	
296	V14.00863	Đào Xuân	Thành	14/10/79	TSTD	7.00	2.50	9.50	9.50	
297	V14.00864	Đình Công	Thành	25/04/92	TSTD	3.50	6.00	9.50	9.50	
298	V14.00865	Lê Văn	Thành	22/01/69	Bộ NN&PT nông thôn	4.50	4.00	8.50	8.50	
299	V14.00870	Nguyễn Văn	Thành	25/08/88	Trường DH Luật HN	3.00	6.00	9.00	9.00	
300	V14.00873	Trần Đức	Thành	03/05/86	TSTD	3.50	5.00	8.50	8.50	
301	V14.00874	Trịnh Minh	Thành	26/08/90	TSTD	2.50	6.00	8.50	8.50	
302	V14.00875	Vũ Thị Phúc	Thành	04/04/86	Nữ Công ty TNHH Coach Việt Nam	7.00	3.50	10.50	10.50	
303	V14.00877	Vũ Minh	Thành	19/08/92	TSTD	4.50	6.50	11.00	11.00	
304	V14.00885	Phạm Phương	Thảo	19/10/86	Nữ Cục thuế thành phố HN	7.50	4.50	12.00	12.00	
305	V14.00886	Phương Thanh	Thảo	19/05/89	Nữ Công ty Prudential VN	6.00	4.00	10.00	10.00	
306	V14.00888	Phạm Quang	Thập	19/06/79	Tổng cục An ninh Bộ Công an	8.00	6.00	14.00	14.00	
307	V14.00894	Nguyễn Đức	Thắng	18/02/86	CT TNHH Huyền Linh	5.00	6.00	11.00	11.00	
308	V14.00895	Nguyễn Mạnh	Thắng	17/01/81	TSTD	4.50	6.50	11.00	11.00	



(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
309	V14.00896	Nguyễn Đức	Thắng		Tòa án nhân dân tối cao	5.50	3.50	9.00	9.00	
310	V14.00897	Nguyễn Đức	Thắng		TSTD	5.50	3.50	9.00	9.00	
311	V14.00898	Tạ Quyết	Thắng		Văn phòng công chứng Hào Anh	5.50	7.00	12.50	12.50	
312	V14.00902	Trịnh Quyết	Thắng		Xí nghiệp vận tải du lịch Hà Nội	3.50	5.50	9.00	9.00	
313	V14.00903	Ngô Duy	Thế		Báo thương hiệu và công luận	7.00	5.00	12.00	12.00	
314	V14.00905	Nguyễn Văn	Thiên		Bộ Tham mưu quân khu 3	6.00	5.50	11.50	11.50	
315	V14.00908	Đào Xuân	Thịnh		CTCP Dược phẩm Glomed	5.00	3.50	8.50	8.50	
316	V14.00909	Hoàng Thị Vinh	Thịnh	Nữ	TSTD	6.50	5.50	12.00	12.00	
317	V14.00914	Phạm Văn	Thỏa		Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn HN	5.00	5.00	10.00	10.00	
318	V14.00916	Nguyễn Văn	Thọ		TSTD	4.50	4.00	8.50	8.50	
319	V14.00917	Vũ Tiến	Thọ		TSTD	8.50	7.00	15.50	15.50	
320	V14.00922	Đỗ Thị	Thu	Nữ	Công ty CP OHAY GROUP	8.00	4.50	12.50	12.50	
321	V14.00928	Trần Minh	Thu	Nữ	Ngân hàng TMCP Quân đội	3.50	5.50	9.00	9.00	
322	V14.00931	Nguyễn Văn	Thuy		Lữ Đoàn 147	7.00	2.50	9.50	9.50	
323	V14.00932	Đinh Thị	Thúy	Nữ	Công an Quận Đống Đa, Hà Nội	6.00	2.50	8.50	8.50	
324	V14.00936	Phạm Thị Phương	Thúy	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Dương	6.50	6.50	13.00	13.00	
325	V14.00937	Phạm Thị	Thúy	Nữ	TSTD	7.00	5.00	12.00	12.00	
326	V14.00941	Bùi Thu	Thúy	Nữ	TSTD	6.50	3.00	9.50	9.50	
327	V14.00943	Đỗ Thị Thanh	Thúy	Nữ	TSTD	6.00	4.00	10.00	10.00	
328	V14.00947	Lê Thị	Thúy	Nữ	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietinbank	4.50	4.00	8.50	8.50	
329	V14.00950	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	UBND Quận Ba Đình - HN	7.25	5.50	12.75	13.00	
330	V14.00952	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	Viện nghiên cứu và phát triển Sena	3.00	5.50	8.50	8.50	
331	V14.00958	Trần Thị Thu	Thúy	Nữ	TSTD	3.50	6.50	10.00	10.00	
332	V14.00961	Đào Anh	Thư	Nữ	TSTD	4.50	5.00	9.50	9.50	
333	V14.00962	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	TSTD	5.50	5.00	10.50	10.50	
334	V14.00972	Nguyễn Vũ	Tiến		Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng	7.00	4.00	11.00	11.00	
335	V14.00973	Nguyễn Việt	Tiến		Bộ tư lệnh Phòng không không quân	8.00	6.00	14.00	14.00	
336	V14.00976	Phan Văn	Tiến		TSTD	4.00	6.00	10.00	10.00	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 13

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-DHLH ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
337	V14.00977	Phan Anh	Tiến	29/04/92		TSTD	7.00	4.00	11.00	11.00
338	V14.00980	Vũ Duy	Tiếp	20/04/89		TSTD	8.00	4.50	12.50	12.50
339	V14.00981	Trịnh Thị	Tinh	04/06/89	Nữ	Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam	3.00	6.50	9.50	9.50
340	V14.00983	Dương Văn	Toán	14/12/91		TSTD	4.00	4.50	8.50	8.50
341	V14.00984	Trần Văn	Toán	12/02/85		TSTD	6.50	4.50	11.00	11.00
342	V14.00991	Hoàng Văn	Toán	05/10/89		Báo pháp luật Việt Nam	8.00	5.00	13.00	13.00
343	V14.00994	Đào Thu	Trang	09/12/83	Nữ	TSTD	8.00	5.50	13.50	13.50
344	V14.00996	Đặng Thu	Trang	25/8/92	Nữ	TSTD	5.50	3.00	8.50	8.50
345	V14.00999	Đỗ Huyền	Trang	09/10/88	Nữ	UBND phường Liễu Giai	5.00	5.50	10.50	10.50
346	V14.01007	Nguyễn Thị	Trang	12/5/90	Nữ	TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00
347	V14.01008	Nguyễn Thu	Trang	17/11/86	Nữ	ĐH Luật Hà Nội	7.00	7.00	14.00	14.00
348	V14.01011	Phạm Hoàng Văn	Trang	01/10/92	Nữ	TSTD	3.50	5.00	8.50	8.50
349	V14.01016	Phùng Thị Thu	Trang	16/08/78	Nữ	TSTD	4.50	6.00	10.50	10.50
350	V14.01017	Trần Thị Thu	Trang	18/11/86	Nữ	CT TNHH Thương mại tổng hợp Việt Hưng	8.00	5.00	13.00	13.00
351	V14.01020	Trần Thu	Trang	14/08/92	Nữ	TSTD	8.00	6.00	14.00	14.00
352	V14.01023	Vũ Thị	Trang	06/11/89	Nữ	TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00
353	V14.01029	Nguyễn Việt	Trọng	18/05/89		Quân chủng phòng không - không quân	5.50	3.00	8.50	8.50
354	V14.01030	Nguyễn Tiến	Trọng	18/03/82		Lữ đoàn 205 Bộ Quốc Phòng	6.50	5.00	11.50	11.50
355	V14.01031	Phạm Văn	Trọng	01/11/86		Công ty cổ phần nhân lực và xây dựng VN	6.00	6.00	12.00	12.00
356	V14.01033	Lâm Bảo	Trung	28/06/90		VP Công chứng Thành công	6.50	3.50	10.00	10.00
357	V14.01035	Nguyễn Đình	Trung	06/08/84		Ngân hàng Agribank	4.00	5.00	9.00	9.00
358	V14.01037	Nguyễn Hà	Trung	12/12/92		Bệnh viện Y học Tuệ Tĩnh	4.00	5.00	9.00	9.00
359	V14.01039	Nguyễn Thế	Trung	10/08/92		TSTD	6.00	3.50	9.50	9.50
360	V14.01040	Phan Vũ	Trung	16/03/91		TSTD	4.50	7.50	12.00	12.00
361	V14.01044	Lê Danh	Trường	12/01/80		Phòng tài nguyên môi trường Huyện Hoài Đức, HN	6.00	5.00	11.00	11.00
362	V14.01045	Trần Hồng	Trường	29/09/82		VKS quân sự quân chủng Phòng không không quân	8.00	1.50	9.50	9.50
363	V14.01049	Hoàng Anh	Tuấn	28/04/82		Bộ Công An	7.50	2.50	10.00	10.00
364	V14.01050	Kiều Mạnh	Tuấn	12/11/90		Ngân hàng Liên Việt	6.00	5.00	11.00	11.00

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
365	V14.01052	Lê Anh Tuấn	14/01/77		CTINH truyền thông thời gian vàng	4.50	4.00	8.50	8.50	
366	V14.01057	Nguyễn Anh Tuấn	11/09/89		TSID	4.50	4.50	9.00	9.00	
367	V14.01060	Nguyễn Anh Tuấn	31/07/82		Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	4.50	5.50	10.00	10.00	
368	V14.01061	Nông Văn Tuấn	28/04/89		Công ty cổ phần XNK&TM Hoàng Long	5.50	4.00	9.50	9.50	
369	V14.01063	Trần Anh Tuấn	14/03/89		Ngân hàng Quân đội	3.50	5.00	8.50	8.50	
370	V14.01065	Trần Anh Tuấn	20/03/83		Công ty chúng ta yêu	4.00	4.50	8.50	8.50	
371	V14.01066	Trần Anh Tuấn	26/05/82		TSID	6.50	6.50	13.00	13.00	
372	V14.01067	Vũ Anh Tuấn	03/02/84		Tập đoàn dầu khí VN	3.50	5.00	8.50	8.50	
373	V14.01069	Lê Thị Tuyến	21/01/85	Nữ	UBND xã Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	5.00	3.50	8.50	8.50	
374	V14.01070	Nguyễn Văn Tuyến	01/06/84		Tổng công ty ACC,QCPKKQ	3.50	7.50	11.00	11.00	
375	V14.01071	Nguyễn Thị Tuyết	20/05/91	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc	8.00	7.00	15.00	15.00	
376	V14.01072	Vũ ánh Tuyết	21/03/89	Nữ	TSID	6.00	5.00	11.00	11.00	
377	V14.01074	Tạ Thanh Tuyến	20/01/89	Nữ	TSID	3.50	7.00	10.50	10.50	
378	V14.01077	Lê Anh Tú	12/09/89		CT Xây dựng An Việt - HN	4.50	5.50	10.00	10.00	
379	V14.01080	Nguyễn Anh Tú	23/12/86		Trung tâm thông tin và xúc tiến đầu tư	3.00	5.50	8.50	8.50	
380	V14.01081	Nguyễn Thị Tú	26/03/89	Nữ	CTINHHTM&DV Hàng không D&T	6.00	6.00	12.00	12.00	
381	V14.01085	Trần Anh Tú	26/12/88		Ngân hàng VP Bank	5.50	4.50	10.00	10.00	
382	V14.01090	Đoàn Thanh Tùng	19/08/90		CTCP tư vấn đầu tư xây dựng Tuấn Cường	4.00	5.00	9.00	9.00	
383	V14.01092	Hoàng Trần Tùng	08/10/86		CT TNHH sản xuất & TMDV Trường An Phát	6.50	4.50	11.00	11.00	
384	V14.01098	Nghiêm Xuân Tùng	21/11/91		TSID	3.50	6.00	9.50	9.50	
385	V14.01099	Ngô Quý Tùng	12/03/92		TSID	7.50	6.00	13.50	13.50	
386	V14.01100	Nguyễn Vũ Tùng	03/10/92		TSID	3.50	5.50	9.00	9.00	
387	V14.01101	Nguyễn Sơn Tùng	04/06/87		TSID	4.00	5.50	9.50	9.50	
388	V14.01104	Nguyễn Hào Tùng	17/09/86		Ngân hàng Agribank	6.75	2.50	9.25	9.50	
389	V14.01110	Trịnh Thanh Tùng	20/08/90		TSID	4.50	4.00	8.50	8.50	
390	V14.01112	Nguyễn Thế Tường	27/9 /75		TSID	4.50	7.50	12.00	12.00	
391	V14.01113	Nguyễn Thị Uyên	04/12/86	Nữ	Tổ chức nhân quyền hiệp ước QT của Hàn quốc	6.50	6.00	12.50	12.50	
392	V14.01114	Đổng Thành ủy	01/07/88		UBND xã Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	3.50	5.00	8.50	8.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 15

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
393	V14.01116	Đỗ Thị Việt Vân	26/08/87	Nữ	Công ty TNHH Thương mại BOO	3.00	5.50	8.50	8.50	
394	V14.01117	Lê Thị Vân	06/03/91	Nữ	Đội QLTT số 10, Bá Thước, Thanh Hóa	4.50	4.00	8.50	8.50	
395	V14.01118	Ngô Thị Thu Vân	28/07/90	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	8.00	1.00	9.00	9.00	
396	V14.01119	Nguyễn Thị Hải Vân	22/08/87	Nữ	Viện nghiên cứu lập pháp - UBTVQH	7.50	4.00	11.50	11.50	
397	V14.01121	Nguyễn Thị Kiều Vân	10/10/89	Nữ	TSID	4.00	6.00	10.00	10.00	
398	V14.01123	Phạm Thanh Vân	22/03/88	Nữ	TSID	7.00	6.00	13.00	13.00	
399	V14.01125	Trần Thị Cẩm Vân	22/07/86	Nữ	CTTNHH Thiết bị khoong chế chất lỏng Việt Thịnh	6.50	4.00	10.50	10.50	
400	V14.01128	Bùi Thị Việt	14/04/92	Nữ	TSID	4.00	6.50	10.50	10.50	
401	V14.01132	Nghiêm Quốc Việt	25/07/90		TSID	3.00	6.00	9.00	9.00	
402	V14.01134	Nguyễn Lâm Việt	01/02/84		Công ty dịch vụ viễn thông	5.75	5.00	10.75	11.00	
403	V14.01136	Nguyễn Hoàng Việt	21/04/85		Công ty Egis International	7.00	4.00	11.00	11.00	
404	V14.01137	Nguyễn Đức Việt	27/09/91		CT TNHH xây dựng và thương mại Tiến Thành	7.50	5.00	12.50	12.50	
405	V14.01138	Phạm Minh Việt	01/02/87		Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Dương	3.00	6.50	9.50	9.50	
406	V14.01139	Phạm Minh Việt	05/08/86		TSID	6.50	6.00	12.50	12.50	
407	V14.01142	Trần Hoàng Việt	27/09/90		Ngân hàng TPCP Công thương VN	8.00	3.00	11.00	11.00	
408	V14.01150	Vũ Văn Vinh	01/04/88		Ngân hàng TMCP Công thương	5.50	4.50	10.00	10.00	
409	V14.01159	Nguyễn Trường Yên	13/03/87		Ngân hàng TMCP DNA	7.50	6.00	13.50	13.50	
410	V14.01161	Đào Hoàng Yên	05/11/91	Nữ	Sở Tư pháp Hà Nội	3.50	5.00	8.50	8.50	
411	V14.01162	Lê Hoàng Yên	08/04/84	Nữ	Công Ty điện lực Ba Đình	8.00	5.00	13.00	13.00	
412	V14.01166	Nguyễn Thị Yên	03/02/92	Nữ	TSID	3.50	6.00	9.50	9.50	
413	V14.01167	Nguyễn Thị Yên	28/04/92	Nữ	TSID	7.00	4.00	11.00	11.00	
414	V14.01168	Phạm Thị Yên	01/07/90	Nữ	Chi nhánh công ty luật ASEM VN	6.00	3.00	9.00	9.00	
415	V14.01170	Vũ Thị Hoàng Yên	14/11/91	Nữ	TSID	3.00	6.00	9.00	9.00	
416	V14.02002	Trần Mạnh Thắng	16/02/83		TSID	5.50	4.50	10.00	10.00	
417	V14.03000	Đỗ Thị Thanh Mai	22/01/75	Nữ	Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương	-	-	-	-	Miễn thi
418	V14.03001	Bùi Thị Thu Thủy	09/06/70	Nữ	ĐH Mỏ địa chất HN	-	-	-	-	Miễn thi
419	V14.03002	Hoàng Nam Nhất	28/08/61		Ban tuyên giao Trung ương	-	-	-	-	Miễn thi
420	V14.03003	Huỳnh Thị Chuyên	04/10/73	Nữ	Học viện báo chí và tuyên truyền	-	-	-	-	Miễn thi

(Kèm theo quyết định số: 1654/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
421	V14.03004	Giang Anh Tuấn	19/12/84		Văn phòng Chủ tịch nước	.	.	.	.	Miễn thi

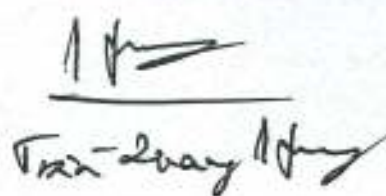
CỘNG TRƯỞNG V14 : 421 THÍ SINH

TRUNG TÂM TIN HỌC



Phan Văn Hách

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



Trần Quang Hùng

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO



Nguyễn Phương Lan

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG



Phan Chí Hiếu